

**T NG CÔNG TY D U VI T NAM
CÔNG TY C PH N D U NH N PV OIL**

**I U L
CÔNG TY C PH N
D U NH N PV OIL**

(S a i, b sung ã c i h i ng c ông thông qua ngày 15 tháng 5 n m 2012)

M C L C

PH N M U.....	5
CH NG I.....	5
NH NGH A CÁC THU T NG TRONG I U L	5
i u 1: nh ngh a	5
CH NG II	6
TÊN, HÌNH TH C, TR S , CHI NHÁNH, V N PHÒNG I DI N VÀ TH I H N HO T NG C A CÔNG TY.....	6
i u 2: Tên, hình th c, tr s , chi nhánh, v n phòng i di n và th i h n ho t ng c a Công ty.....	6
CH NG III.....	6
M C TIÊU, PH M VI KINH DOANH VÀ HO T NG C A CÔNG TY	6
i u 3: M c tiêu ho t ng c a Công ty.....	6
i u 4: Ph m vi kinh doanh và ho t ng.....	8
CH NG IV	8
V N I U L , C PH N, C ÔNG SÁNG L P.....	8
i u 5: V n i u l , c ph n, c ông sáng l p.....	8
i u 6: Ch ng ch c phi u.....	9
i u 7: Ch ng ch ch ng khoán khác	10
i u 8: Chuy n nh ng và th a k c ph n.....	10
i u 9: Thu h i c ph n.....	10
CH NG V.....	11
C C UT CH C QU N LÝ VÀ KI M SOÁT.....	11
i u 10: C c ut ch c qu n lý.....	11
CH NG VI.....	11
C ÔNG VÀ I H I NG C ÔNG.....	11
i u 11: Quy n c a c ông.....	11
i u 12: Ngh a v c a c ông.....	13
i u 13: i h i ng c ông.....	13
i u 14: Quy n và nhi m v c a i h i ng c ông.....	14
i u 15: Các i di n c y quy n.....	16
i u 16: Thay i các quy n.....	17
i u 17: Tri u t p i h i ng c ông, ch ng trình h p, và thông báo h p i h i ng c ông.....	17
i u 18: Các i u ki n t i n hành h p i h i ng c ông.....	18
i u 19: Th th c t i n hành h p và bi u quy t t i i h i ng c ông.....	19
i u 20: Thông qua quy t nh c a i h i ng c ông.....	21
i u 21: Th m quy n và th th c l y ý ki n c ông b ng v n b n thông qua quy t nh c a i h i ng c ông.....	21
i u 22: Biên b nh p i h i ng c ông.....	23
i u 23: Yêu c u h y b quy t nh c a i h i ng c ông.....	23
CH NG VII.....	24
H I NG QU N TR	24

i u 24: Thành p h n và nhi m k c a thành viên H i ng qu n tr	24
i u 25: Quy n h n và nhi m v c a H i ng qu n tr	25
i u 26: Ch t ch, Phó Ch t ch H i ng qu n tr	27
i u 27: Thành viên H i ng qu n tr thay th	28
i u 28: Các cu c h p c a H i ng qu n tr	29
CH NG VIII	32
GIÁM C I U HÀNH, CÁN B QU N LÝ KHÁC.....	32
VÀ TH KÝ CÔNG TY.....	32
i u 29: T ch c b máy qu n lý.....	32
i u 30: Cán b qu n lý.....	32
i u 31: B nhi m, mi n nhi m, nhi m v và quy n h n c a Giám c	33
i u 32: Th ký Công ty	34
CH NG IX.....	35
NHI M V C A THÀNH VIÊN H I NG QU N TR ,.....	35
GIÁM C VÀ CÁN B QU N LÝ	35
i u 33: Trách nhi m c n tr ng c a Thành viên H i ng qu n tr , Giám c và cán b qu n lý	35
i u 34: Trách nhi m trung th c và tránh các xung t v quy n l i.....	35
i u 35: Trách nhi m v thi th i và b i th ng.....	36
CH NG X	37
BAN KI M SOÁT.....	37
i u 36: Thành viên Ban ki m soát	37
i u 37: Ban ki m soát.....	38
CH NG XI.....	39
QUY N I U TR A S SÁCH VÀ H S CÔNG TY	39
i u 38: Quy n i u tra s sách và h s	39
CH NG XII.....	40
CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG OÀN.....	40
i u 39: Công nhân viên và công oàn.....	40
CH NG XIII	40
PHÂN CHIA L I NHU N.....	40
i u 40: C t c	40
i u 41: Các v n khác liên quan n phân ph i l i nhu n.....	41
CH NG XIV	42
TÀI KHO N NGÂN HÀNG, QU D TR , N M TÀI CHÍNH.....	42
VÀ H TH NG K TOÁN.....	42
i u 42: Tài kho n ngân hàng	42
i u 43: Qu d tr b sung v n i u l	42
i u 44: N m tài khóa.....	42
i u 45: H th ng k toán.....	42
CH NG XV	43
BÁO CÁO TH NG NIÊN, TRÁCH NHI M CÔNG B THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG.....	43
i u 46: Báo cáo hàng n m, sáu tháng và hàng quý.....	43

i u 47: Công b thông tin và thông báo ra công chúng	43
CH NG XVI	44
KI M TOÁN CÔNG TY	44
i u 48: Kì m toán	44
CH NG XVII.....	44
CON D U	44
i u 49: Con d u.....	44
CH NG XVIII.....	45
CH M D T HO T NG VÀ THANH LÝ	45
i u 50: Ch m d t ho t ng	45
i u 51: Tr ng h p b t c gi a các thành viên H i ng qu n tr và c ông	45
i u 52: Gia h n ho t ng	45
i u 53: Thanh lý.....	45
CH NG XIX	46
GI I QUY T TRANH CH P N I B 	46
i u 54: Gi i quy t tranh ch p n i b 	46
CH NG XX	47
B SUNG VÀ S A I I U L 	47
i u 55: B sung và s a i i u l 	47
CH NG XXI	47
NGÀY HI U L C.....	47
i u 56: Ngày hi u l c.....	47
i u 57: Ch ký c a ng i i di n theo pháp lu t c a Công ty./.	48

PH N M U

i u l này c *i h i* ng c ông CÔNG TY C PH N D U NH N PV OIL thông qua vào ngày 15 tháng 5 n m 2012.

**CH NG I
NH NGH A CÁC THU T NG TRONG I U L**

***i u 1:* nh ngh a**

1. Trong *i u l* này, nh ng thu t ng đ i ây s c hi u nh sau:
 - a. "V n *i u l* " là v n do t t c các c ông óng góp và quy nh t i *i u 5* c a *i u l* này.
 - b. "Lu t Doanh nghi p" có ngh a là Lu t Doanh nghi p s 60/2005/QH11 c Qu c h i thông qua ngày 29 tháng 11 n m 2005.
 - c. "Ngày thành l p" là ngày Công ty c c p Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh.
 - d. "Cán b qu n lý" là Giám c, Phó Giám c, K toán tr ng, và các v trí qu n lý khác trong Công ty c H i ng qu n tr phê chu n.
 - e. "Ng i có liên quan" là cá nhân ho c t ch c nào c quy nh t i *i u 4.17* c a Lu t Doanh nghi p.
 - f. "Th i h n ho t ng" là th i h n ho t ng c a Công ty c quy nh t i *i u 2* c a *i u l* này và th i gian gia h n (n u có) c *i h i* ng c ông c a Công ty thông qua b ng ngh quy t.
 - g. "Vi t Nam" là n c C ng hoà Xã h i Ch ngh a Vi t Nam.
 - h. "Công ty": là CÔNG TY C PH N D U NH N PV OIL
2. Trong *i u l* này, các tham chi u t i m t ho c m t s quy nh ho c v n b n khác s bao g m c nh ng s a i ho c v n b n thay th chúng.
3. Các tiêu (ch ng, *i u c a i u l* này) c s đ ng nh m thu n t i n cho vi c hi u n i dung và không nh h ng t i n i dung c a *i u l* này;
4. Các t ho c thu t ng ã c nh ngh a trong Lu t Doanh nghi p (n u không mâu thu n v i ch th ho c ng c nh) s có ngh a t ng t trong *i u l* này.

CHƯƠNG II
TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỊ HỖN HỢT CÔNG TY

Điều 2: Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thị hỗn hợ t ợng c ợa Công ty

1. Tên Công ty
 - o Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU NHỚT PV OIL**
 - o Tên tiếng Anh: PV OIL LUBE JOINT STOCK COMPANY
 - o Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU NHỚT PV OIL**
 - o Tên viết tắt: PV OIL Lube
2. Công ty là công ty cổ phần có t ợc cách pháp nhân phù h ợp với pháp luật hiện hành c ợa Việt Nam.
3. Trụ sở ợng ký c ợa Công ty là:
 - o Địa chỉ : 201 Ợn Biên Phố, P.15, Q.Bình Thạnh, TP.H Ợ Chí Minh
 - o Số điện thoại : 08.38 994.807
 - o Fax : 08.38 994.809
 - o Email : admin@pvoillube.vn
 - o Website : www.pvoillube.vn
4. Giám đốc hiện là Ợ đại diện theo pháp luật c ợa Công ty
5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng Ợ đại diện t ợc Ợa bàn kinh doanh t ợc hiện các m ợc tiêu hợ t ợng c ợa Công ty phù h ợp với ngh ợ quy t ợc Ợa Hội ợng qu ợn t ợ và trong phạm vi luật pháp cho phép.
6. Tr ợ khi ch ợm d ợ t hợ t ợng t ợc th ợ hiện theo điều 49.2 và điều 50, th ợ hiện hợ t ợng c ợa Công ty s ợ b ợ t ợ t ợ ngày thành lập và kéo dài vô th ợ hiện.

CHƯƠNG III
M ỢC TIÊU, PH ỢM VI KINH DOANH VÀ HỢ T ỢNG C ỢA CÔNG TY

Điều 3: M ợc tiêu hợ t ợng c ợa Công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh c ợa Công ty bao g ợm:
 - **Khai thác khoáng hóa ch ợt và khoáng phân bón;**

- Vận tải hàng hóa;
- Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống; (Không hoạt động tại Thành phố Hồ Chí Minh);
- Trồng cây có hạt thực phẩm;
- Trồng cây lấy củ có hạt thực phẩm;
- Sản xuất thùng, bể chứa và đường ống chứa bằng kim loại (không hoạt động tại thị trường);
- Sản xuất sản phẩm đúc nhôm tinh khiết (không hoạt động tại thị trường);
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (không hoạt động tại thị trường);
- Sản xuất hóa chất cơ bản (không hoạt động tại thị trường);
- Bán buôn chuyên doanh khác chia thành phần vào đây: bán buôn hóa chất (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp), bán buôn chế tạo đồ dùng nguyên sinh;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trẻ, gỗ, tre, nứa) và động vật sống (không hoạt động tại thị trường);
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại thị trường);
- Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, nhận hàng và vận chuyển khí (không hoạt động tại thị trường);
- Cho thuê máy móc, thiết bị và dụng cụ hình khác: Cho thuê máy móc, thiết bị;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.
- Môi giới, môi giới, mua bán: Chi tiết: môi giới;
- Môi giới nhập hàng hóa và chuyển khoản: Chi tiết: Môi giới nhập hàng hóa;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- X lý và tiêu hủy rác thải công nghiệp (không hoạt động tại thị trường);
- Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ; (không hoạt động tại thị trường);
- Vận tải hàng hóa bằng đường biển;
- X lý và tiêu hủy rác thải công nghiệp (không hoạt động tại thị trường);
- Xây dựng nhà các loại;

- Kho bãi và lưu trữ hàng hóa;
 - Cho thuê xe có động cơ;
 - Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ khí dầu mỏ hoá lỏng LPG)/.
2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:
- Tối đa hoá lợi nhuận;
 - Tăng giá trị vốn góp của các cổ đông;
 - Phát triển bền vững, mở rộng thị phần trong thị trường dầu mỏ miền Việt Nam;
 - Đóng góp cho ngân sách nhà nước.

Điều 4: Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt các mục tiêu của Công ty.
2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và các Hội đồng quản trị phê chuẩn.

CHƯƠNG IV VỐN ĐẦU TƯ, CỔ PHẦN, CỘNG SÁNG LẬP

Điều 5: Vốn đầu tư, cổ phần, cộng sáng lập

1. Vốn đầu tư của Công ty là 89.000.000.000 VND (Tám mươi chín tỷ đồng). Tổng số vốn đầu tư của Công ty được chia thành 8.900.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.
2. Công ty có thể tăng vốn đầu tư khi cần thiết thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông, kể cả cổ phần do Nhà nước sở hữu. Các quy định và nghĩa vụ kèm theo cổ phần này được quy định theo Điều 11 Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Cổ phần phổ thông phải ưu tiên chào bán cho các công nhân viên theo tỷ lệ tăng vốn đầu tư của cổ phần phổ thông của Công ty, trừ trường hợp ưu đãi

ng công quy định khác. Công ty phải thông báo về chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần chào bán và thời hạn ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi ngày làm việc) công có thể ký mua. Số phần công không ký mua hết do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số phần đó cho các cá nhân theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không bán số phần đó theo các điều kiện thu nhập hiện tại và những điều kiện chào bán cho các công nhân viên, trừ trường hợp nếu công chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành (kể cả phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần thông do Công ty mua lại là cổ phiếu ưu đãi và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi cần nếu công nhân viên thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và trường chứng khoán.

Điều 6: Chứng cổ phiếu

1. Công của Công ty cấp chứng nhận cổ phiếu và loại cổ phần số, trường hợp quy định tại Khoản 7 của Điều 6.

2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà công nhận và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Mọi chứng nhận cổ phiếu ghi danh phải đại diện cho một loại cổ phần.

3. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nộp hồ sơ đăng ký chuyển nhượng số cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai tháng (hoặc có thể lâu hơn theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán dứt khoát mua cổ phần theo những quy định tại pháp luật phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu cổ phần số cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu hoặc bất kỳ khoản phí gì.

4. Trường hợp chuyển nhượng chứng nhận cổ phần ghi danh trong chứng nhận cổ phiếu ghi danh, chứng nhận số bất hợp pháp và chứng nhận ghi danh số cổ phần còn lại số cấp miễn phí.

5. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị mất, mất hoặc bị tiêu huỷ, người sở hữu cổ phiếu ghi danh có thể yêu cầu cấp chứng

nhận chi phí vận chuyển và thanh toán chi phí liên quan cho Công ty.

6. Người sử dụng chức vụ phi vô danh phải chịu trách nhiệm về việc bỏ quên chức vụ và công ty sẽ không chịu trách nhiệm trong các trường hợp chức vụ này bị mất cắp hoặc bị đánh cắp.

7. Công ty có thể phát hành chứng khoán ghi danh không theo hình thức chức vụ. Hội đồng quản trị có thể ban hành văn bản quy định cho phép các chứng khoán ghi danh (theo hình thức chức vụ hoặc không chức vụ) được chuyển nhượng mà không bắt buộc phải có văn bản chuyển nhượng. Hội đồng quản trị có thể ban hành các quy định về chức vụ và chuyển nhượng chứng khoán theo các quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và điều lệ này.

Điều 7: Chứng khoán khác

Chứng khoán trái phiếu hoặc các chứng khoán khác của Công ty (trừ các trái phiếu chào bán, các chứng khoán niêm yết và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chứng ký mẫu của Hội đồng quản trị theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp mà các điều khoản và điều kiện phát hành quy định khác.

Điều 8: Chuyển nhượng và thanh toán

1. Tất cả các chứng khoán có thể được chuyển nhượng trừ khi điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Khi chứng khoán niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.

2. Chứng khoán chưa thanh toán sẽ không được chuyển nhượng và hưởng lợi.

3. Trong trường hợp mất hoặc bị thất lạc thì việc ghi quy tắc quy định và trách nhiệm của công ty có thể bị hạn chế theo quy định của Pháp luật về thanh toán.

Điều 9: Thủ tục thanh toán

1. Trường hợp công ty không thanh toán sẽ và ứng hưởng tiền phí trả mua chứng khoán, Hội đồng quản trị thông báo và có quy định yêu cầu công ty thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán sẽ gây ra cho Công ty theo quy định.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày ghi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo yêu cầu, sẽ chứng khoán chưa thanh toán hết số thu hồi.

3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không thể hiện, trừ khi thanh toán dứt khoát các khoản phí nhập, các khoản lãi và các chi phí liên quan, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số phần cổ. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các phần bù thu hồi theo quy định tại các Khoản 4, 5 và 6 và trong các trường hợp khác quy định tại Điều này.
4. Cổ phần bù thu hồi sẽ trở thành tài sản của Công ty. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc ghi quỹ cho người sở hữu cổ phần bù thu hồi hoặc các tình huống khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Công nợ mà các phần bù thu hồi phải bắt cách công việc kinh doanh phần cổ, những văn phòng thanh toán dứt khoát các khoản tiền có liên quan đến việc tiền lãi theo tháng (không quá tháng lãi suất bình quân của 03 ngân hàng thương mại cổ sở vận hành liên kết Việt Nam) vào thời điểm thu hồi theo quy định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc công thanh toán toàn bộ giá trị phi vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.
6. Thông báo thu hồi sẽ gửi ngay lập tức cho các phần bù thu hồi trực tiếp từ thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vốn có hiệu lực kể từ trường hợp có sai sót hoặc bất cứ trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V CÁC UT CHẾ QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10: Các chế độ quản lý

Các chế độ quản lý của Công ty bao gồm:

- a. Hội đồng;
- b. Hội đồng quản trị;
- c. GIÁM ĐỐC điều hành;
- d. Ban kiểm soát.

CHƯƠNG VI CÔNG VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ

Điều 11: Quy định về công

1. Công là nghĩa vụ của Công ty, có các quy định và nghĩa vụ theo số phần và loại phần mà sở hữu. Công nhân chịu trách nhiệm vốn và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

i u 12: Ngh a v c a c ô ng

C ô ng có ngh a v sau:

1. Tuân th i u l Công ty và các quy ch c a Công ty; ch p hành quy t nh c a i h i ng c ô ng, H i ng qu n tr ;
2. Thanh toán ti n mua c ph n ã ng ký mua theo quy nh;
3. Cung c p a ch chính xác khi ng ký mua c ph n;
4. Hoàn thành các ngh a v khác theo quy nh c a pháp lu t hi n hành;
5. Ch u trách nhi m cá nhân khi nhân danh công ty đ i m i hình th c th c hi n m t trong các hành vi sau ây:
 - a. Vi ph m pháp lu t;
 - b. Ti n hành kinh doanh và các giao d ch khác t l i ho c ph c v l i ích c a t ch c, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các kho n n ch a n h n tr c nguy c tài chính có th x y ra i v i công ty.

i u 13: i h i ng c ô ng

1. i h i ng c ô ng là c quan có th m quy n cao nh t c a Công ty. i h i c ô ng th ng niên c t ch c m i n m m t l n. i h i ng c ô ng ph i h p th ng niên trong th i h n b n tháng, k t ngày k t thúc n m tài chính.
2. H i ng qu n tr t ch c tri u t p h p i h i ng c ô ng th ng niên và l a ch n a i m phù h p. i h i ng c ô ng th ng niên quy t nh nh ng v n theo quy nh c a pháp lu t và i u l Công ty, c bi t thông qua các báo cáo tài chính hàng n m và ngân sách tài chính cho n m tài chính ti p theo. Các ki m toán viên c l p c m i tham d i h i t v n cho vi c thông qua các báo cáo tài chính hàng n m.
3. H i ng qu n tr ph i tri u t p i h i ng c ô ng b t th ng trong các tr ng h p sau:
 - a. H i ng qu n tr xét th y c n thi t vì l i ích c a Công ty;
 - b. B ng cân i k toán hàng n m, các báo cáo quý ho c n a n m ho c báo cáo ki m toán c a n m tài chính ph n ánh v n i u l ã b m t m t n a;
 - c. Khi s thành viên c a H i ng qu n tr ít h n s thành viên mà lu t pháp quy nh ho c ít h n m t n a s thành viên quy nh trong i u l ;
 - d. C ô ng ho c nhóm c ô ng quy nh t i i u 11.3 c a i u l này yêu c u tri u t p i h i ng c ô ng b ng m t v n b n ki n ngh . V n b n ki n ngh tri u t p ph i nêu rõ lý

do và mục đích cụ thể, có thể ký các công liên quan (vấn bản kinh có thể lập thành nhiều bản có thể ký các công có liên quan);

e. Ban kiểm soát yêu cầu trực tiếp của Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 119 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động có ý nghĩa hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị

a. Hội đồng quản trị phải trực tiếp của Hội đồng quản trị trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày trở thành thành viên Hội đồng quản trị còn liên hệ quy định tại Khoản 3c Điều 13 hoặc những yêu cầu quy định tại Khoản 3d và 3e Điều 13.

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không trực tiếp của Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 4a Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị trực tiếp của Hội đồng quản trị theo quy định Khoản 5 Điều 97 Luật Doanh nghiệp.

c. Trường hợp Ban kiểm soát không trực tiếp của Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 4b Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, công, nhóm công có yêu cầu quy định tại Khoản 3d Điều 13 có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trực tiếp của Hội đồng quản trị theo quy định Khoản 6 Điều 97 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, công hoặc nhóm công trực tiếp của Hội đồng quản trị có thể thực hiện quan hệ ký kinh doanh giám sát vì lợi ích và tiến hành hành động của họ xét thấy cần thiết.

d. Tất cả chi phí cho lợi ích và tiến hành hành động của Hội đồng quản trị của công ty hoàn toàn. Chi phí này không bao gồm những chi phí do công chi tiêu khi tham dự Hội đồng quản trị, kể cả chi phí và lợi ích.

Điều 14: Quy định và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị hàng năm có quy định nội dung và thông qua:

- a. Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;
- b. Báo cáo của Ban kiểm soát;
- c. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- d. Kế hoạch phát triển hàng năm và dài hạn của Công ty.

2. Hội đồng quản trị hàng năm và bất kỳ thông qua quy định nội dung và bản văn các văn bản sau:

- a. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;
 - b. M c c t c thanh toán hàng năm cho m i lo i c ph n phù h p v i Lu t Doanh nghi p và các quy n g n li n v i lo i c ph n ó. M c c t c này không cao h n m c mà H i ng qu n tr ã tham kh o ý ki n các c ông t i i h i ng c ông;
 - c. S l ng thành viên c a H i ng qu n tr ;
 - d. L a ch n công ty ki m toán;
 - e. B u, bãi mi n và thay th thành viên H i ng qu n tr và Ban ki m soát và phê chu n vi c H i ng qu n tr b nhi m Giám c ho c Giám c i u hành;
 - f. T ng s ti n thù lao c a các thành viên H i ng qu n tr và Báo cáo ti n thù lao c a H i ng qu n tr ;
 - g. B sung và s a i i u l Công ty;
 - h. Lo i c ph n và s l ng c ph n m i s c phát hành cho m i lo i c ph n, và vi c chuy n nh ng c ph n c a thành viên sáng l p trong vòng ba n m u tiên k t Ngày thành l p;
 - i. Chia, tách, h p nh t, sáp nh p ho c chuy n i Công ty;
 - j. T ch c l i và gi i th (thanh lý) Công ty và ch nh ng i thanh lý;
 - k. Ki m tra và x lý các vi ph m c a H i ng qu n tr ho c Ban ki m soát gây thi t h i cho Công ty và các c ông c a Công ty;
 - l. Quy t nh giao d ch bán tài s n Công ty ho c chi nhánh ho c giao d ch mua có giá tr t 50% tr lên t ng giá tr tài s n c a Công ty và các chi nhánh c a Công ty c ghi trong báo cáo tài chính ã c ki m toán g n nh t;
 - m. Công ty mua l i h n 10% m t lo i c ph n phát hành;
 - n. Vi c Giám c ng th i làm Ch t ch H i ng qu n tr ;
 - o. Công ty ho c các chi nhánh c a Công ty ký k t h p ng v i nh ng ng i c quy nh t i i u 120.1 c a Lu t Doanh nghi p v i giá tr b ng ho c l n h n 20% t ng giá tr tài s n c a Công ty và các chi nhánh c a Công ty c ghi trong báo cáo tài chính ã c ki m toán g n nh t;
 - p. Các v n khác theo quy nh c a i u l này và các quy ch khác c a Công ty;
3. Công không c tham gia b phi u trong các tr ng h p sau ây:
- a. Các h p ng quy nh t i i u 14.2 i u l này khi c ông ó ho c ng i có liên quan t i c ông ó là m t bên c a h p ng;
 - b. Vi c mua c ph n c a c ông ó ho c c a ng i có liên quan t i c ông ó.

4. Tất cả các nghị quyết và các văn bản của vào chương trình họp phi cổ đông ra thảo luận và biểu quyết thì phải ghi rõ nội dung.

Điều 15: Các điều kiện quy định

1. Các công đồng có quyền tham dự họp phi cổ đông theo luật pháp có thẩm quyền tham dự họp quy định cho điều kiện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người điều kiện theo quy định của thì phải xác nhận thành số phần và số phiếu bầu của mình người điều kiện.

2. Việc quy định cho người điều kiện họp phi cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty và phải có chữ ký theo quy định như sau đây:

- a. Trường hợp công đồng cá nhân là người quy định thì phải có chữ ký của công đồng đó và người quy định họp;
- b. Trường hợp người điều kiện theo quy định của công đồng là tổ chức là người quy định thì phải có chữ ký của người điều kiện theo quy định, người điều kiện theo pháp luật của công đồng và người quy định họp;
- c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người điều kiện theo pháp luật của công đồng và người quy định họp.

Người quy định họp phi cổ đông phải nộp văn bản quy định trên khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người quy định ký giấy chấp nhận điều kiện, việc chấp nhận điều kiện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chấp nhận điều kiện đó được xuất trình cùng với thư quy định cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư quy định (nếu trường hợp chấp nhận ký vì Công ty).

4. Trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 15, phiếu biểu quyết của người quy định họp trong phạm vi việc quy định văn cổ phiếu khi có mặt trong các trường hợp sau đây:

- a. Người quy định chấp thuận, bổ sung chức năng hành vi dân sự hoặc bổ sung chức năng hành vi dân sự;
- b. Người quy định ủy quyền người quy định;
- c. Người quy định ủy quyền thẩm quyền của người thực hiện việc quy định.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về mặt trong các sự kiện trên bản miễn trách nhiệm giải thích khai mạc cuộc họp phi cổ đông hoặc trước khi cuộc họp kết thúc.

Điều 16: Thay đổi các quy định

1. Các quy định của Điều lệ Công ty (trong các trường hợp quy định tại Điều 14.2 liên quan đến việc phân chia thành các loại cổ phần khác nhau) và việc thay đổi hoặc bổ sung các quy định bổ sung liên quan đến loại cổ phần sẽ được thông qua khi có sự nhất trí bằng văn bản của Hội đồng Cổ đông với ít nhất 75% quy định của cổ phần đã phát hành loại đó.
2. Việc thực hiện một cuộc họp trên cơ sở giá trị khi có tối thiểu hai cổ đông (hoặc ít hơn tùy quy định của Điều lệ) và ít nhất một cổ đông có giá trị danh nghĩa của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có sự đồng ý nêu trên thì sẽ thực hiện họp lại trong vòng ba mươi ngày sau đó và Hội đồng Cổ đông phải thu lợi ích (không phải thu vào sổ đăng ký và sổ cổ phần) có mặt tại họp hoặc thông qua việc đi đến cuộc quy định được coi là số lượng yêu cầu. Tuy nhiên, các cuộc họp riêng biệt nêu trên, Hội đồng Cổ đông phải thu lợi ích có mặt tại họp hoặc qua người đi đến cuộc có thể yêu cầu bồi thường và miễn trừ trách nhiệm khi bồi thường có mặt là phi lợi nhuận của cổ phần sẽ được thu lợi ích.
3. Thực hiện hành các cuộc họp riêng biệt như vậy để thực hiện nghị quyết về việc các quy định tại Điều 18 và Điều 20.
4. Trường hợp các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quy định bổ sung liên quan đến việc các loại cổ phần có quy định về việc miễn trừ trách nhiệm liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17: Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, và thông báo về việc thay đổi Điều lệ Công ty

1. Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, hoặc Hội đồng Quản trị theo các trường hợp quy định tại Điều 13.4b hoặc Điều 13.4c.
2. Nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Hội đồng Cổ đông trong vòng ba mươi ngày trước ngày bắt đầu tiến hành Hội đồng Cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;
 - b. Xác định thời gian và địa điểm họp;
 - c. Thông báo và gửi thông báo về việc thay đổi Điều lệ Công ty cho tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết.
3. Thông báo về việc thay đổi Điều lệ Công ty phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan đến các vấn đề thảo luận và biểu quyết tại Hội đồng Cổ đông. Thông báo về việc thay đổi Điều lệ Công ty có thể gửi cho các cổ đông bằng cách chuyển tay hoặc gửi qua bưu điện.

2. Trường hợp không có số lượng biểu quyết trong vòng ba mươi phút kể từ khi bắt đầu khai mạc hội đồng, hội đồng lập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày đầu tiên thực hiện nghị quyết của hội đồng lập lại chỉ có tính hành khi có thành viên tham dự là các công đồng và nghị định của quy định pháp định cho ít nhất 51% thành viên có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp hội đồng hai không có tính hành do không có số lượng biểu quyết trong vòng ba mươi phút kể từ khi bắt đầu khai mạc hội đồng, hội đồng lập lại ba có thể lập lại trong vòng hai mươi ngày kể từ ngày đầu tiên hành hội đồng hai, và trong trường hợp này hội đồng có tính hành không phụ thuộc vào số lượng công đồng hay nghị định của quy định tham dự và coi là hợp lệ và có quyền quyết định về các vấn đề mà hội đồng lập lại nhất có thể phê chuẩn.
4. Theo nghị quyết của hội đồng có quyền thay đổi chương trình họp đã công bố kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại điều 17.3 của Điều lệ này.

Điều 19: Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại hội đồng

1. Vào ngày thực hiện nghị quyết của Công ty phải thể hiện tất cả các công đồng và phải thể hiện vì công đồng ký cho nên khi các công đồng có quyền dự họp có mặt ký họp.
2. Khi tiến hành nghị quyết của Công ty sẽ phải cho tất cả công đồng hoặc nghị định của quy định có quyền biểu quyết mặt biểu quyết, trên đó có ghi số nghị quyết, họ và tên của công đồng, họ và tên nghị định của quy định và số phiếu biểu quyết của công đồng. Khi tiến hành biểu quyết tại hội đồng, số nghị quyết quyết định thu trước, số nghị quyết quyết định thu sau, cùng một số phiếu tán thành hay phản đối quyết định. Tổng số phiếu nghị quyết, phần nghị quyết hoặc phiếu ngược, số nghị quyết thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết về số. Hội đồng sẽ chọn trong số biểu quyết những người chịu trách nhiệm kiểm tra phiếu hoặc giám sát kiểm tra phiếu và nếu hội đồng không chọn thì Chủ tịch chọn những người. Số thành viên của ban kiểm tra phiếu không quá ba người.
3. Công đồng nghị quyết của Công đồng mới có quyền nghị quyết ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại hội đồng. Chủ tịch không có trách nhiệm đối với hội đồng cho công đồng mới nghị quyết và hội đồng của các biểu quyết đã tiến hành trước khi công đồng mới tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.
4. Hội đồng nghị quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người chỉ định của hội đồng bầu ra số nghị quyết. Trường hợp không ai trong số họ có thể chấp hành, thành viên Hội đồng quản trị cao nhất có mặt sẽ bầu ra Chủ tịch của hội đồng nghị quyết, Chủ tịch không nhất thiết phải là thành viên Hội đồng quản trị. Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc Chủ tịch của hội đồng nghị quyết của hội đồng bầu ra số nghị quyết lập biên bản

Điều 4. Trường hợp bầu Chủ tịch, tên Chủ tịch và số phiếu bầu cho Chủ tịch công bố.

5. Quy trình bầu Chủ tịch và trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình bầu cử Hội đồng Quản trị mang tính phán quyết cao nhất.

6. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể hoãn họp Hội đồng ngay cả trong trường hợp đã có sự biểu quyết nhất trí của các thành viên khác và tạm hoãn bầu cử Chủ tịch do chủ tịch quy định mà không cần lý do của Hội đồng. (a) các thành viên tham dự không thể có những thiếu sót về mặt pháp lý, (b) hành vi của Hội đồng có thể làm mất uy tín hoặc có khả năng làm mất uy tín của công ty hoặc (c) sự hoãn là cần thiết các công việc của Hội đồng cần hành động cách hợp lý. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng có thể hoãn họp Hội đồng khi có sự bất đồng về yêu cầu của Hội đồng đã có sự biểu quyết của Hội đồng. Thời gian hoãn bầu cử không quá ba ngày kể từ ngày diễn ra khai mạc Hội đồng. Hội đồng phải xem xét các công việc của Hội đồng và quyết định pháp lý của Hội đồng trước.

7. Trường hợp bầu Chủ tịch hoãn hoặc tạm hoãn Hội đồng trái với quy định tại Khoản 6 Điều 19, Hội đồng Quản trị khác trong số những thành viên tham dự thay thế Chủ tịch để thực hiện công việc cho đến lúc kết thúc và điều lệ các biểu quyết tại cuộc họp không bắt buộc.

8. Chủ tịch Hội đồng có thể ký Hội đồng có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết nếu khi Hội đồng Quản trị cách hợp lý và có thẩm quyền; hoặc Hội đồng phân bổ công việc mong muốn của các thành viên.

9. Hội đồng Quản trị có thể yêu cầu các Hội đồng hoặc cá nhân quy định tham dự Hội đồng Quản trị của Hội đồng Quản trị để kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng Quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có Hội đồng hoặc cá nhân quy định không tuân thủ những quy định kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng Quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất Hội đồng hoặc cá nhân nói trên tham gia Hội đồng.

10. Hội đồng Quản trị, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp của Hội đồng Quản trị cho là thích hợp:

- a. Điều chỉnh những điều kiện làm việc của Hội đồng;
- b. Bảo đảm an toàn cho những điều kiện làm việc;
- c. Tạo điều kiện cho Hội đồng tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) Hội đồng.

Hội đồng Quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nêu trên nếu Hội đồng Quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào các hồ sơ đăng ký những hình thức khác.

11. Trong trường hợp tiếp thị hàng công có áp dụng các biện pháp nói trên, Hội đồng quản trị khi xác nhận thẩm định có thể:

- a. Thông báo rằng hình thức tín hành tài sản ghi trong thông báo và chốt thẩm định có thẩm định;
- b. Bất trí, thực hiện hàng công hoặc đi đến quy định không chấp hành theo điều khoản này hoặc ngừng gia hạn thẩm định khác với thẩm định chính thẩm định có thể ngừng tham định;

Thông báo về việc thực hiện không cần nêu chi tiết những biện pháp thực hiện theo điều khoản này.

12. Trong điều khoản này (trừ khi hoàn toàn yêu cầu khác), mức độ coi là tham gia thẩm định thẩm định chính thẩm định.

Hàng năm Công ty phải thực hiện hàng công ít nhất một lần. Hình thức hàng công thường niên không thể thực hiện hình thức lý kỳ ngân hàng.

Điều 20: Thông qua quy định của thẩm định hàng công

1. Trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 20, các quy định của thẩm định hàng công và các văn bản sau đây sẽ thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các công có quyền biểu quyết có mặt tại họp hàng công thông qua đi đến quy định có thẩm định hàng công.

- a. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;
- b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty;
- c. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc điều hành.

2. Các quy định của thẩm định hàng công liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung điều lệ, nội quy và sổ đăng ký phiếu chào bán, sáp nhập, tái cấu trúc và giải thể Công ty, giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã kiểm toán gần nhất sẽ thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu của các công có quyền biểu quyết có mặt tại họp hàng công thông qua đi đến quy định có thẩm định hàng công.

Điều 21: Thẩm quyền và thủ tục lý kỳ ngân hàng ngân hàng thông qua quy định của thẩm định hàng công

Thẩm quyền và thủ tục lý kỳ ngân hàng ngân hàng thông qua quy định của thẩm định hàng công thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quy định lý do khi công bố văn bản thông qua quy định của hội đồng quản trị lúc nào mà xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;
2. Hội đồng quản trị phải chú ý phi lý do quy định của hội đồng quản trị và các tài liệu đi kèm theo quy định. Phi lý do kèm theo quy định và tài liệu đi kèm phải công bố một cách công khai;
3. Phi lý do phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nội dung đăng ký kinh doanh của công ty;
 - b. Mục đích lý do;
 - c. Họ, tên, địa chỉ, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc thẻ cá nhân hợp pháp khác của công nhân viên; họ, tên, địa chỉ, quốc tịch, số quy định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của công nhân viên đi theo quy định của công ty là tổ chức; số lượng thành viên và số ủy quyền của công ty;
 - d. Văn bản lý do thông qua quy định;
 - e. Phương án bảo vệ quyền lợi của các thành viên, không thành và không có lý do;
 - f. Thời hạn giải quyết công ty phi lý do đã xử lý;
 - g. Họ, tên, chức vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đi theo pháp luật của công ty;
4. Phi lý do đã xử lý phải có chức vụ của công nhân viên, công nhân viên đi theo quy định của công ty đi theo pháp luật của công ty là tổ chức.

Phi lý do giải quyết công ty phải công khai trong phòng kín và không ai được quy định khi ký kết. Các phi lý do giải quyết công ty sau thời hạn xác định nội dung phi lý do của ban chấp hành không hợp lệ;
5. Hội đồng quản trị ký kết và lập biên bản ký kết đối với các thành viên Ban chấp hành của công ty không nắm giữ cổ phần công ty. Biên bản ký kết phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nội dung đăng ký kinh doanh;
 - b. Mục đích và các văn bản lý do thông qua quy định;
 - c. Số công việc của ủy quyền đã tham gia ủy quyền, trong đó phân biệt số ủy quyền hợp lệ và số ủy quyền không hợp lệ, kèm theo phiếu danh sách công ty tham gia ủy quyền;

d. Tổng số phiếu bán thành, không bán thành và không có ý kiến về việc bán ;

e. Các quy định khác thông qua;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đi kèm theo pháp luật của công ty và của người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thí nghiệm phát sinh từ các quy định khác thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải công bố trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu;

7. Phiếu lý do ý kiến khác biệt, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết khác thông qua và tài liệu có liên quan kèm theo phiếu công bố phải lưu giữ tại văn phòng chính của công ty;

8. Quy định khác thông qua theo hình thức lý do ý kiến công bố về vấn đề nào đó có giá trị quy định khác thông qua tại cuộc họp Hội đồng.

Điều 22: Biên bản họp Hội đồng

Người chủ trì Hội đồng chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Hội đồng và gửi cho tất cả các công đồng trong vòng 15 ngày kể từ khi Hội đồng kết thúc. Biên bản Hội đồng được coi là bản chính xác thực và hợp công vì các lý do tin cậy hành động Hội đồng trừ khi có ý kiến phản đối nội dung biên bản của ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng 05 ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải công bố công khai, có chữ ký xác nhận của Chủ tịch và Thư ký, và công bố theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sách ký của các công đồng dự và vấn đề quy định tham dự phải lưu giữ tại văn phòng chính của Công ty.

Điều 23: Yêu cầu hủy bỏ quy định khác Hội đồng

Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Hội đồng hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lý do ý kiến khác biệt Hội đồng, công đồng, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quy định khác Hội đồng trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Hội đồng không thực hiện đúng theo quy định hiện hành của pháp luật và Điều lệ công ty;
2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quy định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

CH NG VII
H I NG QU N TR

i u 24: Thành ph n và nhi m k c a thành viên H i ng qu n tr

1. S l ng thành viên H i ng qu n tr ít nh t là n m (05) ng i và nhi u nh t là m i m t (11) ng i. Nhi m k c a H i ng qu n tr là n m (05) n m. Nhi m k c a thành viên H i ng qu n tr không quá n m (05) n m; thành viên H i ng qu n tr có th c b u l i v i s nhi m k không h n ch . T ng s thành viên H i ng qu n tr c l p không i u hành ph i chi m ít nh t m t ph n ba t ng s thành viên H i ng qu n tr .

2. Thành viên H i ng qu n tr ph i có các tiêu chu n và i u ki n sau ây:

a. Có n ng l c hành vi dân s , không thu c i t ng b c m qu n lý doanh nghi p theo quy nh c a Lu t doanh nghi p.

b. Là c ông cá nhân s h u ít nh t 5% t ng s c ph n ph thông ho c ng i khác có trình chuyên môn, có ít nh t 5 n m kinh nghi m trong qu n lý, i u hành t i các doanh nghi p có quy mô và ngành ngh t ng ng.

c. Có s c kho , ph m ch t o c t t, trung th c, liên khi t và có ý th c ch p hành các quy nh pháp lu t.

d. Thành viên c a H i ng qu n tr do các c ông sáng l p c theo t l s h u c ph n c a t ng c ông sáng l p. Các c ông sáng l p c quy n g p t l s h u c ph n vào v i nhau b phi u c các thành viên H i ng qu n tr .

3. Các c ông n m gi t i thi u 5% s c ph n có quy n bi u quy t trong th i h n liên t c ít nh t sáu tháng có quy n g p s quy n bi u quy t c a t ng ng i l i v i nhau c các ng viên H i ng qu n tr . C ông ho c nhóm c ông n m gi n d i 10% s c ph n có quy n bi u quy t trong th i h n liên t c ít nh t sáu tháng c c m t thành viên; t 10% n d i 30% c c hai thành viên; t 30% n d i 50% c c ba thành viên; t 50% n d i 65% c c b n thành viên và n u t 65% tr lên c c s ng viên.

4. Tr ng h p s l ng các ng viên H i ng qu n tr thông qua c và ng c v n không s l ng c n thi t, H i ng qu n tr ng nhi m có th c thêm ng c viên ho c t ch c c theo m t c ch do công ty quy nh. C ch c hay cách th c H i ng qu n tr ng nhi m c ng c viên H i ng qu n tr ph i c công b rõ ràng và ph i c i h i ng c ông thông qua tr c khi ti n hành c .

5. Thành viên H i ng qu n tr s không còn t cách thành viên H i ng qu n tr trong các tr ng h p sau:

a. Thành viên ó không t cách làm thành viên H i ng qu n tr theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p ho c b lu t pháp c m không c làm thành viên H i ng qu n tr ;

- b. Thành viên có gia đình sống cùng gia đình xin chuyển công tác ra Công ty;
 - c. Thành viên có bệnh tật nặng và thành viên khác của Hội đồng quản trị có nhu cầu công tác chuyên môn công tác gì đó không còn ngồi làm việc;
 - d. Thành viên có vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu tháng, và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên có vắng mặt và đã phân công công việc của người này bổ sung;
 - e. Thành viên có cách xử lý thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ công ty.
6. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới thay thế chức vụ phát sinh và thành viên mới này phải chấp thuận từ đại hội đồng ngay tiếp sau đó. Sau khi đại hội đồng chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ có hiệu lực vào ngày của Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
 7. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo theo các quy định của pháp luật về kế toán và tài chính kế toán.
 8. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là nhân viên của Công ty.

Điều 25: Quy định và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có quyền hạn thực hiện tất cả các quy định nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về đại hội đồng.
2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Giám đốc và các cán bộ quản lý khác.
3. Quy định và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, điều lệ, các quy định nội bộ của Công ty và quy định của đại hội đồng quy định. Chức năng, Hội đồng quản trị có những quy định và nhiệm vụ sau:
 - a. Quy định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;
 - b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược của đại hội đồng thông qua;
 - c. Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý công ty theo nghĩa của Giám đốc và quy định của pháp luật;
 - d. Quy định các cut ch của Công ty;

- e. Giám đốc các khu vực của Công ty và các ban quản lý chuyên môn quy định của Công ty giám sát các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý của các ban quản lý;
 - f. Xuất các loại chứng khoán có thể phát hành và tăng số chứng khoán phát hành theo từng loại;
 - g. Xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành chứng khoán và các chứng quy định cho phép nhà đầu tư mua chứng khoán theo mức giá nhất định;
 - h. Quy định giá chào bán trái phiếu, chứng khoán và các chứng khoán chuyển đổi;
 - i. Nhiệm vụ, thẩm quyền, cách thức GIÁM ĐỐC hay ban quản lý hoạch định của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không trái với các quy định theo hợp đồng của nhà đầu tư bất kỳ (nếu có);
 - j. Xuất mặt tiền hàng năm và xác định mặt tiền; tổ chức việc chi trả tiền;
 - k. Xuất việc tái cấu trúc lại hoặc giải thể Công ty.
4. Nhiệm vụ sau đây phải do Hội đồng quản trị phê duyệt:
- a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng của Công ty;
 - b. Thành lập các công ty con của Công ty;
 - c. Trong phạm vi quy định tại Điều 108.2 của Luật Doanh nghiệp và trong phạm vi quy định tại Điều 120.3 Luật Doanh nghiệp phải do Hội đồng quản trị phê duyệt, Hội đồng quản trị tùy theo thẩm quyền quy định về thẩm quyền, sai phạm và xử lý các hành vi của Công ty (bao gồm các hành vi mua, bán, sáp nhập, đầu tư công ty và liên doanh);
 - d. Chức vụ và nhiệm vụ của nhà đầu tư của Công ty và nhiệm vụ là giám đốc và Luật sư của Công ty;
 - e. Việc vay nợ và việc thế chấp các khoản tiền, bảo lãnh và bảo hiểm của Công ty;
 - f. Các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị doanh nghiệp và ngân sách kinh doanh hàng năm;
 - g. Việc mua hoặc bán chứng khoán của nhà đầu tư công ty khác của thành lập Việt Nam hay nước ngoài;
 - h. Việc nhả giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành chứng khoán hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sở hữu, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - i. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% số vốn;

- j. Các văn kiện kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quy định nên phải có sự chấp thuận trong phạm vi quy định và trách nhiệm của mình;
- k. Quy định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.
5. Hội đồng quản trị phải báo cáo với Hội đồng công ty hoặc tổ chức của mình, có thể là vị trí giám sát của Hội đồng quản trị với GIÁM ĐỐC và nhân sự quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo với Hội đồng công ty, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ coi là không có giá trị và chấp thuận của Hội đồng quản trị thông qua.
6. Trường hợp luật pháp và điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và các cán bộ quản lý điều hành công việc thay thế cho Công ty.
7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các điều kiện cụ thể quy định thay thế) có nhiệm vụ làm việc cho công ty của mình dưới cách là thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp làm việc cho Hội đồng quản trị sẽ do Hội đồng công ty quy định. Khoản thù lao này sẽ được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.
8. Trường hợp sự kiện làm việc cho các thành viên Hội đồng quản trị phải ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.
9. Thành viên Hội đồng quản trị không chỉ có vị trí điều hành (bao gồm các vị trí Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch), hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan niệm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được bổ sung thêm nhiệm vụ làm việc điều hành không tính công tác quản lý theo từng lĩnh vực, ngành, hoạt động, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quy định của Hội đồng quản trị.
10. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền thanh toán tất cả các chi phí liên quan, và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm các chi phí phát sinh trong việc tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng công ty.

Điều 26: Chức vụ, Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng công ty hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị một người làm Chủ tịch và có thể bổ nhiệm Phó Chủ tịch. Trường hợp Hội đồng quy định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ không kiêm chức Giám đốc hoặc Giám đốc điều hành của Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức Giám đốc hoặc Giám đốc điều hành phải được phê chuẩn hàng năm từ Hội đồng công ty thường niên.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và chủ trì hội đồng và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quy định và trách nhiệm khác quy định tại Điều này và Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp Chủ tịch thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mặt khác không thể hiện nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số những thành viên của Chủ tịch theo nguyên tắc如上 quá bán.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệmมอบ vì c Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của công ty, báo cáo kế toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các công ty liên hệ công đồng;
4. Trường hợp Chủ tịch và Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm thay thế trong thời hạn 90 ngày.

Điều 27: Thành viên Hội đồng quản trị thay thế

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không phải người có nhiệm vụ thay thế cho thành viên đó) có thể chuyển thành thành viên Hội đồng quản trị khác, hoặc một người của Hội đồng quản trị phê chuẩn và sẵn sàng thể hiện nhiệm vụ này, làm người thay thế cho mình và có quyền bãi miễn người thay thế đó.
2. Thành viên Hội đồng quản trị thay thế có quyền nhận thông báo về các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các tài liệu ban đầu của Hội đồng quản trị mà người chuyển nhượng là thành viên, có quyền tham gia và biểu quyết tại các cuộc họp khi thành viên Hội đồng quản trị chuyển nhượng không có mặt, và có quyền thể hiện tất cả các chức năng của người chuyển nhượng là thành viên của Hội đồng quản trị trong trường hợp người chuyển nhượng vắng mặt. Thành viên thay thế này không có quyền nhận bất kỳ khoản thù lao nào từ phía Công ty cho công việc của mình dưới cách là thành viên Hội đồng quản trị thay thế. Tuy nhiên, Công ty không bắt buộc phải thông báo về các cuộc họp nói trên cho thành viên Hội đồng quản trị thay thế không có mặt tại Việt Nam.
3. Thành viên thay thế sẽ phải bắt đầu cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp người chuyển nhượng không còn tiếp xúc thành viên Hội đồng quản trị. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị hết nhiệm kỳ nhưng lại tái bổ nhiệm hoặc coi là tái bổ nhiệm trong cùng hội đồng mà thành viên đó thôi giữ chức do hết nhiệm kỳ thì việc chuyển thành viên thay thế do người này thể hiện ngay trước thời điểm hết nhiệm kỳ sẽ tiếp tục có hiệu lực sau khi thành viên đó tái bổ nhiệm.
4. Việc chuyển hoặc bãi nhiệm thành viên thay thế phải có thành viên Hội đồng quản trị chuyển hoặc bãi nhiệm người thay thế làm bằng văn bản thông báo và ký gửi cho Công ty hoặc theo hình thức khác do Hội đồng quản trị phê chuẩn.
5. Ngoài những quy định khác đã nêu trong Điều này, thành viên thay thế sẽ coi như là thành viên Hội đồng quản trị trên mọi phương diện và phải chịu trách nhiệm

cá nhân vì hành vi và sai lầm của mình mà không được coi là người đi nhả hàng sử dụng quy định của thành viên Hội đồng quản trị để chi trả mình.

Điều 28: Các quy định của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì quy định của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch và ra các quy định khác theo thẩm quyền phi tập thể tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc buổi Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Quy định này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất ưu tiên. Trường hợp có nhiều thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc số lượng trong số ưu tiên phi tập thể Hội đồng quản trị.
2. Các quy định thành lập. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải ưu tiên các quy định Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy ngày trước ngày họp định kỳ. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mười ngày trước họp mặt lần.
3. Các quy định bất thường. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các điều kiện dưới đây xảy ra:
 - a. Giám đốc hoặc ít nhất năm cán bộ quản lý;
 - b. Hai thành viên Hội đồng quản trị;
 - c. Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - d. Một thành viên Ban kiểm soát.
4. Các quy định Hội đồng quản trị nêu tại Điều 28.3 phải tiến hành trong thời hạn mười lăm ngày sau khi có yêu cầu. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp hành triệu tập họp theo yêu cầu thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra trong nội bộ công ty; những nghị quyết của quy định của công ty nêu tại Điều 28.3 có thể triệu tập họp Hội đồng quản trị.
5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
6. Địa điểm họp. Các quy định Hội đồng quản trị sẽ tiến hành họp địa điểm họp ký của Công ty hoặc nơi khác Việt Nam hoặc nước ngoài theo quy định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thiết bị của Hội đồng quản trị.
7. Thông báo và chương trình họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất năm ngày trước khi thực hiện họp, các thành viên Hội đồng có thể chỉ thông báo địa điểm họp và nội dung và việc thực hiện này có thể có hiệu lực bất kỳ. Thông báo họp Hội đồng phải làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo

ý chỉ trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết và những vấn đề cần bàn bạc và biểu quyết theo quy định của Hội đồng và các phụ lục cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.

Thông báo họp bằng văn bản, fax, điện thoại hoặc phương tiện khác, những phụ lục kèm theo của các thành viên Hội đồng quản trị công ty.

8. Thành viên tham dự đại hội. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ có hiệu lực khi có ít nhất ba phần trăm thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua đại diện thay thế.

9. Biểu quyết.

a. Theo quy định tại điều 28.9b, mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết;

b. Thành viên Hội đồng quản trị không biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng không tính vào số người biểu quyết thì cuộc họp có thể tổ chức mà không cần biểu quyết về những hợp đồng mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

c. Theo quy định tại điều 28.9d, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến một lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của thành viên mà những vấn đề đó không giải quyết bằng sự đồng thuận của quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ chuyển tới cuộc họp và phán quyết của các thành viên liên quan tới các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chặt chẽ công bố một cách thích đáng;

d. Thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản đồng ý với quy định tại điều 34.4a và điều 34.4b của Điều lệ này sẽ coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng.

10. Công khai lợi ích. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp hoặc bằng văn bản đồng ý ký kết hoặc đồng ý ký kết với Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị trước tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Một thành viên này có thể công khai điều đó trước cuộc họp trước khi Hội đồng quản trị tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

11. Bi u quy t a s . H i ng qu n tr thông qua các ngh quy t và ra quy t nh b ng cách tuân theo ý ki n tán thành c a a s thành viên H i ng qu n tr có m t (trên 50%). Tr ng h p s phi u tán thành và ph n i ngang b ng nhau, lá phi u c a Ch t ch s là lá phi u quy t nh.

12. H p trên i n tho i ho c các hình th c khác. Cu c h p c a H i ng qu n tr có th t ch c theo hình th c ngh s gi a các thành viên c a H i ng qu n tr khi t t c ho c m t s thành viên ang nh ng a i m khác nhau v i i u ki n là m i thành viên tham gia h p u có th :

- a. Nghe t ng thành viên H i ng qu n tr khác cùng tham gia phát bi u trong cu c h p;
- b. N u mu n, ng i ó có th phát bi u v i t t c các thành viên tham d khác m t cách ng th i.

Vì c trao i gi a các thành viên có th th c hi n m t cách tr c ti p qua i n tho i ho c b ng ph ng ti n liên l c thông tin khác (k c vi c s đ ng ph ng ti n này đi n ra vào th i i m thông qua i u l hay sau này) ho c là k t h p t t c nh ng ph ng th c này. Theo i u l này, thành viên H i ng qu n tr tham gia cu c h p nh v y c coi là “có m t” t i cu c h p ó. a i m cu c h p c t ch c theo quy nh này là a i m mà nhóm thành viên H i ng qu n tr ông nh t t p h p l i, ho c n u không có m t nhóm nh v y, là a i m mà Ch to cu c h p hi n đi n.

Các quy t nh c thông qua trong m t cu c h p qua i n tho i c t ch c và t i n hành m t cách h p th c s có hi u l c ngay khi k t thúc cu c h p nh ng ph i c kh ng nh b ng các ch ký trong biên b n c a t t c thành viên H i ng qu n tr tham d cu c h p này.

13. Ngh quy t b ng v n b n. Ngh quy t b ng v n b n ph i có ch ký c a t t c nh ng thành viên H i ng qu n tr sau ây:

- a. Thành viên có quy n bi u quy t v ngh quy t t i cu c h p H i ng qu n tr ;
- b. S l ng thành viên có m t không th p h n s l ng thành viên t i thi u theo quy nh t i n hành h p H i ng qu n tr .

Ngh quy t lo i này có hi u l c và giá tr nh ngh quy t c các thành viên H i ng qu n tr thông qua t i m t cu c h p c tri u t p và t ch c theo thông l . Ngh quy t có th c thông qua b ng cách s đ ng nhi u b n sao c a cùng m t v n b n n u m i b n sao ó có ít nh t m t ch ký c a thành viên.

14. Biên b n h p H i ng qu n tr . Ch t ch H i ng qu n tr có trách nhi m chuy n biên b n h p H i ng qu n tr cho các thành viên và nh ng biên b n ó s ph i c xem nh nh ng b ng ch ng xác th c v công vi c ã c t i n hành trong các cu c h p ó tr khi có ý ki n ph n i v n i dung biên b n trong th i h n m i ngày k t khi chuy n i.

Biên bản họp Hội đồng quản trị lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự họp.

15. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền hành động cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quy định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quy định của ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đưa ra. Các quy định này có thể ủy quyền hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người ủy thác quy định vị trí của thành viên của tiểu ban như (a) phải bao gồm thành viên bên ngoài ít nhất một thành viên của tiểu ban và (b) quy định các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đầy đủ thành viên tham dự và ủy quyền tất cả phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

16. Giá trị pháp lý của hành động. Các hành động thực thi quy định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có thẩm quyền thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể từ ngày ký và có hiệu lực, trừ khi thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

CHƯƠNG VIII **GIÁM ĐỐC HÀNH, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC** **VÀ THỦ KÝ CÔNG TY**

Điều 29: Tổ chức bộ máy quản lý

Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nắm quyền lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một Giám đốc, một số Phó Giám đốc và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Giám đốc và các Phó Giám đốc điều hành có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, và Giám đốc Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bổ nhiệm theo quy định thông qua một cách hợp pháp.

Điều 30: Cán bộ quản lý

1. Theo yêu cầu của Giám đốc và các thành viên của Hội đồng quản trị, Công ty sẽ tuyển dụng và loại bỏ cán bộ quản lý cần thiết hoặc phù hợp với các yêu cầu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị xuất phát từ nhu cầu. Cán bộ quản lý phải có sự miễn nhiệm cần thiết các hoạt động và thực hiện của Công ty theo các mục tiêu đưa ra.
2. Mục tiêu, nhiệm vụ, lợi ích và các điều kiện khác trong hợp đồng lao động với Giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị quy định và hợp đồng với nhân viên cán bộ quản lý khác sẽ do Hội đồng quản trị quy định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc.

Đi u 31: B nh i m, m i n nh i m, nh i m v và quy n h n c a Giám c

1. B nh i m. H i ng qu n tr s b nh i m m t thành viên trong H i ng ho c m t ng i khác làm Giám c và s ký h p ng quy nh m c l ng, thù lao, l i ích và các i u kho n khác liên quan n vi c tuy n d ng. Thông tin v m c l ng, tr c p, quy n l i c a Giám c ph i c báo cáo trong i h i ng c ông th ng niên và c nêu trong báo cáo th ng niên c a Công ty.
2. Tiêu chu n và i u ki n làm Giám c nh sau:
 - a. Có n ng l c hành vi dân s và không thu c i t ng b c m qu n lý doanh nghi p theo quy nh c a Lu t doanh nghi p
 - b. Là cá nhân có trình chuyên môn, có kinh nghi m th c t trong qu n tr kinh doanh ho c thu c các ngành, ngh kinh doanh ch y u c a Công ty
 - c. Có s c kho , ph m ch t o c t t, trung th c, liêm khi t, hi u bi t pháp lu t và có ý th c ch p hành pháp lu t.
 - d. Giám c không c ng th i làm Giám c c a doanh nghi p khác.
 - e. Giám c không c là v ho c ch ng, cha, cha nuôi, m , m nuôi, con, con nuôi, anh, ch , em ru t c a ng i qu n lý và ng i có th m quy n b nh i m ng i qu n lý c a công ty M .
3. Nh i m k . Theo Đi u 26 c a Đ i u l này, Giám c có th không ph i là Ch t ch H i ng qu n tr . Nh i m k c a Giám c là n m n m tr khi H i ng qu n tr có quy nh khác và có th c tái b nh i m. Vi c b nh i m có th h t hi u l c c n c vào các quy nh t i h p ng lao ng. Giám c i u hành không c phép là nh ng ng i b pháp lu t c m gi ch c v này, t c là nh ng ng i v thành niên, ng i không n ng l c hành vi, ng i ã b k t án tù, ng i ang thi hành hình ph t tù, nhân viên l c l ng v trang, các cán b công ch c nhà n c và ng i ã b phán quy t là ã làm cho công ty mà h t ng lãnh o tr c ây b phá s n.
4. Quy n h n và nh i m v . Giám c có nh ng quy n h n và trách nh i m sau:
 - a. Th c hi n các ngh quy t c a H i ng qu n tr và i h i ng c ông, k ho ch kinh doanh và k ho ch u t c a Công ty ã c H i ng qu n tr và i h i ng c ông thông qua;
 - b. Quy t nh t t c các v n không c n ph i có ngh quy t c a H i ng qu n tr , bao g m vi c thay m t công ty ký k t các h p ng tài chính và th ng m i, t ch c và i u hành ho t ng s n xu t kinh doanh th ng nh t c a Công ty theo nh ng thông l qu n lý t t nh t;
 - c. K i n ngh s l ng và các lo i cán b qu n lý mà công ty c n thuê H i ng qu n tr b nh i m ho c m i n nh i m khi c n thi t nh m áp d ng các ho t ng c ng nh các c c u qu n lý t t do H i ng qu n tr xu t, và t v n H i ng qu n tr quy t nh m c l ng, thù lao, các l i ích và các i u kho n khác c a h p ng lao ng c a cán b qu n lý;

- d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị quy định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, phúc lợi, nhiệm vụ, quyền hạn và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
- e. Vào ngày 31 tháng 10 hàng năm, Giám đốc phê duyệt trình Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp công nghệ kế hoạch tài chính năm đó.
- f. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm của Hội đồng và Hội đồng quản trị thông qua;
- g. Xuất nhúng biên pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
- h. Chủ trì các báo cáo tài chính hàng năm và hàng tháng của Công ty (sau đây gọi là báo cáo tài chính) phục vụ hoạt động quản lý hàng năm và hàng tháng của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Báo cáo tài chính hàng năm (bao gồm các báo cáo tài chính, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ định kỳ) cho từng năm tài chính sẽ phê duyệt trình Hội đồng quản trị thông qua và phê duyệt báo cáo minh bạch thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.
- i. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Giám đốc và pháp luật.
5. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cơ quan. Giám đốc chịu trách nhiệm trình Hội đồng quản trị và Hội đồng và Hội đồng về việc thực hiện nhiệm vụ và quy định của giao và phê duyệt báo cáo các cơ quan này khi cần yêu cầu.
6. Giám đốc ứng nhiệm miễn nhiệm khi:
- Chết, mất năng lực hành vi dân sự
 - Tuyệt nhiệm vượt 3 ngày làm việc liên tục trở lên mà không có lý do
- Trong trường hợp Giám đốc ứng nhiệm miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải tìm kiếm người thay thế. Trong thời hạn tối đa 30 ngày, Hội đồng quản trị phải hoàn tất việc cử người hành các thủ tục bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.
7. Bãi nhiệm. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Giám đốc khi có từ hai phần ba thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Giám đốc) và bổ nhiệm một Giám đốc mới thay thế. Giám đốc bị bãi nhiệm có quyền khiếu nại về việc bãi nhiệm này tại Hội đồng và Hội đồng tiếp theo gần nhất.

Điều 32: Thủ ký Công ty

Hội đồng quản trị sẽ chọn một (hoặc nhiều) người làm Thủ ký Công ty với nhiệm vụ và trách nhiệm của Thủ ký theo quy định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thủ ký Công ty khi cần nếu không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một hay nhiều Ủy viên Giám đốc Công ty từ những thành viên. Vai trò và nhiệm vụ của Ủy viên Giám đốc Công ty bao gồm:

- a. Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ đạo công việc theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- b. Làm biên bản các cuộc họp;
- c. Tổ chức và thực hiện các cuộc họp;
- d. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.
- e. Ủy viên giám đốc công ty có trách nhiệm báo cáo thông tin theo các quy định của pháp luật và điều lệ công ty.

CHƯƠNG IX
NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ,
GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 33: Trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cán bộ quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cán bộ quản lý đều có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kết quả công việc của thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và vị trí mà họ nắm giữ mà không vì lợi ích cá nhân hay lợi ích riêng tư của họ và trong hoàn cảnh công việc.

Điều 34: Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột lợi ích

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; những thành viên không được sử dụng những thông tin có thể thuộc về mình để lợi ích cá nhân hay lợi ích của cá nhân khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột lợi ích của Công ty mà họ có thể nhận được thông qua các phương tiện kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những điều nêu trên chỉ áp dụng cho những trường hợp mà các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quy định trong quy định này.
3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, cán bộ quản lý và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi chỉ đạo công việc có quy định khác.

4. Hợp đồng giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, cán bộ quản lý, hoặc nhân viên liên quan đến hợp đồng công ty, bất kỳ, hoặc tổ chức mà một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý hoặc nhân viên liên quan đến là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hóa vì nhân viên quản lý đề xuất, hoặc vì thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý hoặc có một hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào Hội đồng quản trị hay ủy ban đã cho phép thực hiện hợp đồng giao dịch, hoặc vì nhân viên bị ủy thác hành vi cá nhân tính khi bị ủy thác hành vi cá nhân đó, như:

a. Việc chi phí có giá trị tối đa 20% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, nhân với tỷ lệ quản trị hợp đồng giao dịch cá nhân liên quan và lợi ích cá nhân của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc ủy ban liên quan. Ngoài ra, Hội đồng quản trị hoặc ủy ban đã cho phép thực hiện hợp đồng giao dịch đó một cách trung thực bằng cách phân tán thành các nhân viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc

b. Việc chi phí có giá trị lớn hơn 20% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, nhân với tỷ lệ quản trị hợp đồng giao dịch này cá nhân liên quan và lợi ích cá nhân của cán bộ quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các công đồng không có lợi ích liên quan có quy định bị ủy thác hành vi cá nhân đó, và nhân viên công đồng đã phân tán thành hợp đồng giao dịch này;

c. Hợp đồng giao dịch đó được thực hiện vì lợi ích công đồng và hợp lý xét trên mối liên quan đến các công đồng của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này của Hội đồng quản trị hoặc một ủy ban trực thuộc Hội đồng quản trị hay các công đồng cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.

Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, cán bộ quản lý hay nhân viên có liên quan cá nhân không được phép mua hay bán hợp đồng giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các công đồng của công ty hoặc công ty con của công ty vào thời điểm họ có nhân viên thông tin chính xác gây ra thiệt hại nghiêm trọng giá trị nhân viên đó và các công đồng khác lợi ích không bị thiệt hại thông tin này.

Điều 35: Trách nhiệm về tính trung thực và bất thành

1. Trách nhiệm về tính trung thực. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và cán bộ quản lý vì phạm nghĩa vụ hành vi một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ cá nhân vì sự bất thành, mất cân bằng và nhân viên chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về nhân viên tính trung thực do hành vi vì phạm cá nhân mình gây ra.

2. Bất thành. Công ty sẽ bất thành cho nhân viên đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ kiện, kiện, khiếu nại, đang hoặc có thể sẽ tiến hành cho dù đây là vụ kiện dân sự, hành chính (mà không phải là vụ kiện tố tụng do Công ty

thành viên hay chủ quy định khác của Công ty) nhưng đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là người đi làm của Công ty (hay công ty con của Công ty) quy định, hoặc người đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay công ty con của Công ty) về mặt cách thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc người đi làm của một công ty, liên kết, liên doanh, liên thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí cá nhân bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phí thanh toán phát sinh trong thời gian coi là mức hợp lý khi ghi quy định này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, vì lợi ích của người đã hành động trung thực, công bằng và vì lợi ích chuyên môn theo pháp luật mà người tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chấp nhận lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho người để tránh những trách nhiệm cá nhân nêu trên.

CHƯƠNG X BAN KIỂM SOÁT

Điều 36: Thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát phải có từ ba (03) đến năm (05) thành viên. Trong Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kế toán để lập báo cáo tài chính vì các kế toán các báo cáo tài chính của công ty. Ban kiểm soát phải chọn một thành viên là chủ tịch của công ty, hoặc chủ tịch để làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- a. Triệt lập chức vụ Ban kiểm soát và hoạt động về mặt cách là Trưởng ban kiểm soát;
- b. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát;
- c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trình lên

2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát:

- a. Tối thiểu từ 21 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự và không thuộc bất kỳ một thành phần và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp
- b. Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác.
- c. Có sức khỏe, phẩm chất tốt, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật
- d. Không có các chức vụ quản lý Công ty, không nhất thiết phải là công nhân viên lao động trong doanh nghiệp

3. Công nhân giảm ít hơn 10% công nhân có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có thể tiếp tục biểu quyết vào việc các công nhân vào Ban kiểm soát. Công nhân nhóm công nhân giảm ít hơn 10% số công nhân có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có thể trở thành thành viên; từ 10% đến 30% có thể trở thành hai thành viên; từ 30% đến 50% có thể trở thành ba thành viên; từ 50% đến 65% có thể trở thành bốn thành viên và vượt 65% trở lên có thể trở thành sáu thành viên.
4. Các thành viên của Ban kiểm soát do Hội đồng công nhân, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể bầu lại vào nhiệm kỳ không hạn chế.
5. Trong trường hợp vào thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa bầu thì Ban kiểm soát tạm thời nhiệm kỳ tiếp theo chỉ định quyền và nhiệm vụ cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới bầu và nhận nhiệm vụ.
6. Thành viên Ban kiểm soát không còn theo cách thành viên trong các trường hợp sau:
 - a. Thành viên có pháp luật cử làm thành viên Ban kiểm soát;
 - b. Thành viên có trách nhiệm công vụ hoặc nhiệm vụ công chính cho Công ty;
 - c. Thành viên có trở ngại tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ họ không còn năng lực hành vi;
 - d. Thành viên có vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên vắng mặt và đã phân quyền cho các thành viên khác trong ngày bầu cử;
 - e. Thành viên có cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Hội đồng.

Điều 37: Ban kiểm soát

1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 123 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, những quy định hạn chế và trách nhiệm của Ban kiểm soát quy định như sau:
 - a. Xét lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mối liên quan nếu rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập;
 - b. Thờ luận về kiểm toán viên độc lập về tính chính xác và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
 - c. Xin ý kiến từ các chuyên gia độc lập hoặc từ các pháp lý và mời họ tham gia các nhà chuyên gia bên ngoài Công ty về kinh nghiệm trình chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu cần thiết;

- d. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi trình Hội đồng quản trị;
 - e. Thờ ạt nhân viên không làm và tìm phát hiện các kết quả kiểm toán giả mạo hoặc các sai sót mà kiểm toán viên chấp thuận bàn bạc;
 - f. Xem xét thực tiễn của kiểm toán viên chấp và ý kiến phản ánh của ban quản lý Công ty;
 - g. Xem xét báo cáo của Công ty về các hoạt động kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;
2. Thành viên của Hội đồng quản trị, Giám đốc và cán bộ quản lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan liên quan tới Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thành viên Công ty phải báo cáo toàn bộ bản sao chép các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẵn sàng cung cấp cho Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng cung cấp cho Hội đồng quản trị.
 3. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai lần mỗi năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai người.
 4. Thành viên Ban kiểm soát có thể làm việc thông qua hàng điện tử. Mọi cuộc họp có thể được thực hiện theo quy định của Hội đồng. Thành viên của Ban kiểm soát có thể thanh toán các khoản chi phí liên, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan tới hoạt động kinh doanh của Công ty.

CHƯƠNG XI QUY ĐỊNH VỀ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 38: Quy định về sách và hồ sơ

1. Công ty có nhóm công nhân trong Điều 24.3 và Điều 36.3 của Điều lệ này có quyền tiếp cận qua lưu trữ hồ sơ nhân sự quy định, ghi nhận bản yêu cầu kiểm tra trong giới hạn vi phạm và tài liệu kinh doanh chính của công ty danh sách công, các biên bản của Hội đồng và sao chép hoặc trích lục các hồ sơ. Yêu cầu kiểm tra do phía lưu trữ đi kèm hoặc đi kèm với quy định khác của công ty phải kèm theo giấy ủy quyền của công ty mà người đi kèm hoặc đi kèm bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và cán bộ quản lý có quyền kiểm tra sẵn sàng ký công của Công ty, danh sách công và nhân sự sách và

hàng khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình và vì lợi ích của các thông tin này phải công bố.

3. Công ty sẽ phải tuân thủ Điều lệ này và những bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy định, các tài liệu chứng minh quy định của tài sản, biên bản họp Hội đồng và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất kỳ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật và các chính sách nội bộ khác và vì lợi ích của các công đồng và các quan hệ kinh doanh công bố và đảm bảo tuân thủ các giấy tờ này.

4. Công đồng quy định của Công ty có thể bổ sung Điều lệ công ty miễn phí. Trang hợp của công ty có website riêng, Điều lệ này phải công bố trên website đó.

CHƯƠNG XII CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 39: Công nhân viên và công đoàn

Giám đốc phải lập kế hoạch Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, bồi dưỡng, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động của công ty và mối quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn của công nhân theo các chương trình, thông lệ và chính sách quản lý nhân sự, nội dung thông lệ và chính sách quy định của Điều lệ này, các quy định của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 40: Chi trả

1. Theo quy định của Hội đồng công đồng và theo quy định của pháp luật, chi trả của công đồng và chi trả lợi nhuận của Công ty không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị quyết định sau khi đã tham khảo ý kiến của công đồng Hội đồng công đồng.

2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán chi trả lợi nhuận cho các chi trả này phù hợp với khả năng sinh lợi của công ty.

3. Công ty không trả lãi cho khoản tiền chi trả chi trả hay khoản tiền chi trả liên quan tới mặt lợi ích phi lợi nhuận.

4. Hội đồng quản trị có thể quyết định Hội đồng công đồng thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần chi trả lợi nhuận tài sản của công ty (nhằm chi trả hoặc trái phiếu đã thanh toán) do công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là các quan hệ thi công quy định này.

5. Trường hợp cổ tức hay lợi nhuận không liên quan tới một loại cổ phiếu cụ thể chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền mặt cho cổ đông Viêt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trừ tiền ghi qua bút toán khấu trừ đã ký các công thức và trường hợp có rủi ro phát sinh (tính toán đã ký các công thức) thì công thức chi trả. Ngoài ra, các khoản tiền trả cổ tức cho các khoản tiền khác của cổ đông chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một loại cổ phiếu có thể chi trả bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện việc chuyển khoản tiền trả vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thực hiện. Việc thanh toán cổ tức có thể thực hiện hành thông qua công ty làm việc quản lý cổ đông của công ty hoặc với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán có thể thực hiện hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký.

6. Trường hợp có sự chấp thuận của Hội đồng, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần thông thường của công ty các cổ phần thông thường thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung trước cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trước cổ tức phát hành ngược với số tiền mặt trước cổ tức.

7. Các Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể làm ngày khóa sổ hoạt động kinh doanh của Công ty. Các ngày đó, những người ký viết cách công hoặc ngược lại sẽ có các chứng khoán khác của công ty như cổ phiếu, trái phiếu, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khóa sổ này có thể vào cùng ngày hoặc vào thời điểm trước khi các quy định đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quy định của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.

Điều 41: Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận

Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV
TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUẢN TRỊ, NẾM TÀI CHÍNH
VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 42: Tài khoản ngân hàng

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại một ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận từ các cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tại Việt Nam hoặc quốc tế tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 43: Quản trị bổ sung vốn

Hàng năm, Công ty sẽ trích lập dự trữ sau thu nhập của mình vào quỹ bổ sung vốn theo quy định của pháp luật. Khoản trích này không vượt quá 5% lợi nhuận sau thu nhập của Công ty và được trích cho năm khi quỹ bổ sung 10% vốn của Công ty.

Điều 44: Nếem tài khóa

Nếem tài khóa của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Nếem tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc giấy phép kinh doanh đối với ngành nghề, ngành kinh doanh có điều kiện) và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (giấy phép kinh doanh) đó.

Điều 45: Hệ thống kế toán

1. Hệ thống kế toán Công ty sẽ dùng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Nội dung hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải chứng minh và ghi trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sẽ dùng tiếng Việt Nam làm đơn vị tính dùng trong kế toán.

CHƯƠNG XV
BÁO CÁO TÀI CHÍNH NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG
BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 46: Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật về kế toán và các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phi kế toán theo quy định tại Điều 47 của Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm và các chỉ số công thông qua cho các quan chức có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán và các quan hệ kinh doanh.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình vốn và lợi của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho năm tài chính, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Trường hợp Công ty là một công ty mẹ, ngoài báo cáo tài chính năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con vào cuối năm tài chính.
3. Công ty phải lập các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.
4. Bản tóm tắt nội dung báo cáo tài chính hàng năm và kế toán phi kế toán gửi tới tất cả các công đồng và công bố trên nhật báo của địa phương và mặt báo kinh tế trung ương trong vòng ba tuần liên tiếp. Trường hợp Công ty có website riêng, các báo cáo tài chính kế toán, báo cáo quý và sáu tháng của Công ty phải công bố trên website đó.
5. Các thành viên, cá nhân quan tâm được quyền kiểm tra hoặc sao chép báo cáo tài chính hàng năm và kế toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giới hạn vì lợi ích của Công ty, miễn phí của Công ty và phải trả một khoản phí hợp lý cho việc sao chép.

Điều 47: Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho các quan chức quản lý và các quan hệ kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

CHƯƠNG XVI KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 48: Kiểm toán

1. Điều lệ này quy định công thức thành lập công ty kiểm toán độc lập, hoạt động pháp lý Việt Nam và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết, tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những yêu cầu và điều kiện tho thuận với Hội đồng quản trị. Điều lệ này quy định tài chính ưu tiên, Hội đồng quản trị sẽ thành lập công ty kiểm toán tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ký kinh doanh.
2. Công ty sẽ phải chịu trách nhiệm và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho bất kỳ các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.
4. Mọi bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi kèm với mọi bản báo cáo kiểm toán hàng năm của Công ty.
5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp điều lệ này quy định và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến điều lệ này quy định mà các công ty quy định và được phát biểu ý kiến về điều lệ này và các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

CHƯƠNG XVII CON ĐU

Điều 49: Con đ u

1. Hội đồng quản trị sẽ quy định thông qua con đ u chính thức của Công ty và con đ u khác theo quy định của luật pháp.
2. Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và quản lý con đ u theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII
CHẾ ĐỘ THỌ TỤNG VÀ THANH LÝ

Điều 50: Chế độ thoái vốn

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chế độ thoái vốn trong những trường hợp sau:
 - a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể sau khi đã gia hạn;
 - b. Tòa án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - c. Giải thể trước thời hạn theo quy định của Điều lệ Công ty.
 - d. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể trước thời hạn đã gia hạn) do Điều lệ Công ty quy định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quy định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của các quan có thẩm quyền (nếu có) theo quy định.

Điều 51: Trường hợp bất cứ gì của các thành viên Hội đồng quản trị và công đồng

Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các công đồng nội bộ của công ty phải tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành có quy định về quy định trong bộ chế thành viên Hội đồng quản trị có quy định khi cần thiết để yêu cầu giải thể theo một hoặc nhiều các căn cứ sau:

1. Các thành viên Hội đồng quản trị không thực hiện trong quá trình các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không thực hiện các nhiệm vụ của Hội đồng quản trị hoặc công đồng.
2. Các công đồng không thực hiện nên không thực hiện các nhiệm vụ của công đồng theo quy định thì tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.
3. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh công đồng chia rẽ khi cần cho việc giải thể là phương án có lợi nhất cho toàn thể công đồng.

Điều 52: Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị có quyền đề nghị Hội đồng công đồng ít nhất 6 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động công đồng có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty thêm một thời gian theo quy định của Điều lệ Công ty.
2. Thời hạn hoạt động của gia hạn thêm khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu của các công đồng có quy định biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện của quy định có mặt tại Hội đồng công đồng thông qua.

Điều 53: Thanh lý

1. Từ thời điểm sáu tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có mặt quy định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba thành

viên. Hai thành viên do i h i ng c ông ch nh và m t thành viên do H i ng qu n tr ch nh t m t công ty k i m toán c l p. Ban thanh lý s chu n b các quy ch ho t ng c a mình. Các thành viên c a Ban thanh lý có th c l a ch n trong s nhân viên Công ty ho c chuyên gia c l p. T t c các chi phí liên quan n thanh lý s c Công ty u tiên thanh toán tr c các kho n n khác c a Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhi m báo cáo cho c quan ng ký kinh doanh v ngày thành l p và ngày b t u ho t ng. K t th i i m ó, Ban thanh lý s thay m t Công ty trong t t c các công vi c liên quan n thanh lý Công ty tr c Toà án và các c quan hành chính.

3. T i n thu c t vi c thanh lý s c thanh toán theo th t sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. T i n l ng và chi phí b o hi m cho công nhân viên;
- c. Thu và các kho n n p có tính ch t thu mà Công ty ph i tr cho Nhà n c;
- d. Các kho n vay (n u có);
- e. Các kho n n khác c a Công ty;
- f. S d còn l i sau khi ã thanh toán t t c các kho n n t m c (a) n (e) trên ây s c phân chia cho các c ông. Các c ph n u ã s u tiên thanh toán tr c.

CH NG XIX GI I QUY T TRANH CH P N I B

i u 54: Gi i quy t tranh ch p n i b

1. Tr ng h p phát sinh tranh ch p hay khi u n i có liên quan t i ho t ng c a Công ty hay t i quy n c a các c ông phát sinh t i u l hay t b t c quy n ho c ngh a v do Lu t Doanh nghi p hay các lu t khác ho c các quy nh hành chính quy nh, gi a:

- a. C ông v i Công ty; ho c
 - b. C ông v i H i ng qu n tr , Ban k i m soát, Giám c hay cán b qu n lý cao c p
- Các bên liên quan s c g ng gi i quy t tranh ch p ó thông qua th ng l ng và hoà gi i. Tr tr ng h p tranh ch p liên quan t i H i ng qu n tr hay Ch t ch H i ng qu n tr , Ch t ch H i ng qu n tr s ch tr i vi c gi i quy t tranh ch p và s yêu c u t ng bên trình bày các y u t th c t i n liên quan n tranh ch p trong vòng 10 ngày làm vi c k t ngày tranh ch p phát sinh. Tr ng h p tranh ch p liên quan t i H i ng qu n tr hay Ch t ch H i ng qu n tr , b t c bên nào c ng có th thuê m t chuyên gia c l p hành ng v i t cách là tr ng tài cho quá trình gi i quy t tranh ch p.

2. Tr ng h p không t c quy t nh hoà gi i trong vòng sáu tu n t khi b t u quá trình hoà gi i ho c n u quy t nh c a trung gian hoà gi i không c các bên ch p nh n, b t c bên nào c ng có th a tranh ch p ó ra Tr ng tài kinh t ho c Toà án kinh t .
3. Các bên s t ch u chi phí c a mình có liên quan t i th t c th ng l ng và hoà gi i. Các chi phí c a Toà án s do Toà phán quy t bên nào ph i ch u.

CH NG XX B SUNG VÀ S A I I U L

i u 55: B sung và s a i i u l

1. Vi c b sung, s a i i u l này ph i c i h i ng c ông xem xét quy t nh.
2. Trong tr ng h p có nh ng quy nh c a pháp lu t có liên quan n ho t ng c a Công ty ch a c c p trong b n i u l này ho c trong tr ng h p có nh ng quy nh m i c a pháp lu t khác v i nh ng i u kho n trong i u l này thì nh ng quy nh c a pháp lu t ó ng nhiên c áp d ng và i u ch nh ho t ng c a Công ty .

CH NG XXI NGÀY HI U L C

i u 56: Ngày hi u l c

1. B n i u l này g m XXI ch ng 55 i u, c i h i ng c ông Th ng niên n m 2012 thông qua ngày 15 tháng 5 n m 2012 t i Công ty C ph n D u nh n PV OIL và cùng ch p thu n hi u l c toàn v n c a i u l này.
2. i u l c l p thành 10 b n, có giá tr nh nhau, trong ó:
 - a. 01 b n n p t i Phòng công ch ng Nhà n c c a a ph ng
 - b. 05 b n ng ký t i c quan chính quy n theo quy nh c a U ban nhân dân T nh, Thành ph
 - c. 04 b n l u tr t i V n phòng Công ty
3. i u l này là duy nh t và chính th c c a Công ty
4. Các b n sao ho c trích l c i u l Công ty ph i có ch ký c a Ch t ch H i ng qu n tr ho c t i thi u m t ph n hai t ng s thành viên H i ng qu n tr m i có giá tr .

Đi u 57: Ch ký c a ng Đ i Đ i n theo pháp lu t c a Công ty./.

Tp. H Chí Minh, ngày 15 tháng 5 n m 2012

Ng Đ i Đ i n theo pháp lu t

Nguyễn Trí Đ ng